

Nghiên cứu Ngôn ngữ học dạy tiếng và phát triển kỹ năng cho người học

Đặng Thị Toàn Thư*

*ThS, Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội

Received: 10/7/2024; Accepted: 16/7/2024; Published: 7/8/2024

Abstract: Today, linguistics for teaching language has developed strongly, with a series of methods of teaching language created such as: Listening - Speaking method, Listening - Looking method, Conscious practice method, Suggestion method, and Communication method... But one thing that most language educators will notice that they do not have a general method of improving the teaching of language that each method that appears is an exploration and discovery that can be applied more widely and superior in some aspect. Therefore, this article does not choose to introduce any model or method of language teaching as the most perfect method, but we only highlight the skills that need attention as well as the operations in language teaching.

Keywords: Perfect method

1. Đặt vấn đề

Trong việc dạy tiếng thì đối tượng người học rất đa dạng bởi nhiều lý do khác nhau như: động cơ, mục đích của việc học, lượng thời gian dành cho việc học; độ tuổi của mỗi người trong lớp học, những kinh nghiệm cá nhân của mỗi người học; phong cách học tập mà mỗi người ưa thích; phương châm học tập, nền trí thức văn hóa của người học .v.v... Đồng thời, bối cảnh học tập cũng rất đa dạng như: độ lớn của lớp học – lớp học có nhiều hay ít học viên; các cơ hội để sử dụng ngôn ngữ đích ngoài lớp học, môi trường giao tiếp; các phương tiện bố trí giảng dạy; các chương trình giảng dạy được quy định .v.v... Hiện nay, phương pháp giao tiếp đang được sử dụng nhiều hơn, và theo nhiều nhà giáo học pháp thì phương pháp giao tiếp có tính ưu việt hơn các phương pháp trước đó. Tuy nhiên, phương pháp giao tiếp cũng không phải là phương pháp tối ưu nhất, bảo đảm sự thành công cho mọi đối tượng người học, cho mọi bối cảnh dạy – học ngoại ngữ.

Trong bài viết này tác giả chỉ đề cập đến một số nguyên tắc chung trong ngôn ngữ học dạy tiếng, các kỹ năng cơ bản trong việc dạy- học ngôn ngữ là: **nghe – nói – đọc – viết** và một số cách rèn luyện các kỹ năng cơ bản đó.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các kỹ năng cơ bản

Các kỹ năng trong việc học một ngoại ngữ phải tuân thủ theo một trình tự nhất định, bao gồm bốn kỹ năng theo trình tự sau đây: **nghe – nói – đọc – viết**.

Trong nhiều lớp học, các GV thường chú trọng vào việc dạy ngữ pháp, dịch và viết. Ở trẻ em, quá

trình hình thành một ngôn ngữ trước hết là việc nhận thức bằng con đường thính giác, tiếp nhận, nhận thức và phân biệt âm thanh. Việc nhận thức bằng con đường thị giác, tức là chữ viết chỉ được tiến hành vào giai đoạn khi hệ thống ngôn ngữ đã tương đối ổn định cả về hệ thống từ vựng lẫn ngữ pháp.

Đối với người lớn, khi học một ngôn ngữ cũng không ngoài quy luật này, ở người lớn khi học một ngoại ngữ thường có xu hướng tiếp nhận ngôn ngữ bằng thị giác hơn là thính giác. Chúng ta học từ mới qua con đường chuyển ngữ bằng văn tự, học tiếng mẹ đẻ, làm các bài luyện tập cũng qua hình thức văn tự.

Với cách học tiếp nhận bằng chữ viết, qua kênh tiếp nhận thị giác như vậy, sẽ phát triển rất chậm việc nhận thức bằng thính giác của người học, làm chậm khả năng nghe – nói, khả năng giao tiếp của người học. Về mặt phát âm, nếu không chú ý đúng mức đến phát triển nhận thức bằng thính giác, người học sẽ khó có được khả năng phát âm đúng, hầu hết không thể hiện được trọng âm và ngữ điệu. Vì vậy, trong bốn kỹ năng trên thì việc rèn luyện và phát triển kỹ năng nghe phải đi trước một bước, mặc dù đối với người lớn việc phát triển nhận thức bằng thính giác là rất khó khăn, bởi vì, với người lớn, việc tiếp nhận bằng con đường thị giác – tức là qua việc đọc đã trở thành thói quen và là phương tiện nhận thức chủ yếu so với các kênh nhận thức khác.

Tuân thủ việc phát triển kỹ năng theo trật tự **nghe – nói – đọc – viết** như trên sẽ giúp cho việc học ngoại ngữ đạt hiệu quả cao, tốc độ nhanh và tăng cường được khả năng giao tiếp. Chúng ta nên ghi nhớ một

nguyên tắc là không nói trước nghe, không đọc trước khi nói, không viết trước khi đọc.

Tuy nhiên mục đích cuối cùng của việc học ngoại ngữ - một phương tiện nhận diện mới – là sự sáng tạo văn bản nói hoặc viết, tức là xét cho cùng kỹ năng đọc và viết là hai kỹ năng quan trọng nhất, nhưng trong việc *dạy - học ngoại ngữ* việc rèn luyện hai kỹ năng này phải đi sau một bước. Đối với người học, thì việc đọc và viết là một việc làm liên tục, lâu dài nếu muốn củng cố, phát triển và sử dụng thành thạo ngôn ngữ đó trong học tập, nghiên cứu và các hoạt động khác của mình.

2.2. Rèn luyện kỹ năng

2.2.1. Rèn luyện kỹ năng nghe – hiểu

Để rèn luyện kỹ năng **nghe hiểu**, việc *dạy - học* cũng được chia thành các cấp độ, thông thường người ta chia thành 3 cấp: *sơ cấp - trung cấp - cao cấp*; đôi khi người ta cũng phân chia các cấp độ nhỏ hơn như: sơ cấp, trên sơ cấp; trung cấp; trên trung cấp; cao cấp. Nhưng dù cách phân chia nào, ở cấp độ nào trong việc dạy phát âm cũng như rèn luyện khả năng nghe hiểu, người ta cũng thường sử dụng các thủ pháp, các cách thức luyện tập sau đây:

Luyện phát âm: Dạy phát âm cơ bản: miêu tả cấu âm, thực hành nghe và nhắc lại.

+ Phát âm các âm tiết, nghe và nhắc lại.

+ Phát âm các câu ngắn, nghe và nhắc lại.

+ Nghe theo dây chuyền: GV nói một từ hoặc một câu ngắn cho SV A nghe, SV A nói lại cho SV B, SV B nói lại cho SV C... và người nói cuối cùng nói lại cho GV nghe. Sau đó GV đưa ra câu nói đúng.

Luyện nghe hiểu:

+ Nghe một đoạn hội thoại sau đó làm các bài tập, có thể là bài tập kiểu:

+1) Nghe – trả lời trực tiếp: GV hỏi – SV trả lời hoặc một SV hỏi – một SV trả lời theo kiểu luyện đôi.

+2) Nghe – lựa chọn: Nghe câu hỏi, sau đó chọn câu trả lời đúng trong số câu trả lời cho sẵn a, b, c, d.

+3) Xác nhận thông tin: Nghe hoặc một số thông tin về đoạn hội thoại, rồi cho biết thông tin nào đúng, thông tin nào sai.

+ Nghe một đoạn văn và làm các bài tập nghe hiểu theo các kiểu trên.

Phát triển nghe hiểu:

Nghe bài giảng và ghi chép (note – taking).

Trong kiểu luyện tập này SV sẽ nghe một bài khóa khá hoàn chỉnh về một chủ đề, SV có thể nghe bài đọc từ băng từ; hoặc GV đọc cho SV nghe; các SV tự ghi chép những điểm chính yếu của bài. Những điểm chính yếu này, nhất là các con số sẽ được đọc

lại 2 hoặc 3 lần, với ngữ điệu nhấn giọng gây chú ý để SV chú ý và có đủ thời gian ghi chép. Trong khi ghi chép, các SV có thể dùng các ký hiệu hoặc viết tắt để ghi chép được nhanh hơn.

Sau khi kết thúc phần nghe, người học có thể làm các bài tập như các kiểu trên, hoặc tự tái tạo lại nội dung bài nghe – hiểu bằng cách viết lại bài khóa.

Để hỗ trợ cho việc phát triển khả năng nghe hiểu, chúng ta có thể sử dụng các phương tiện nghe nhìn như băng cát sét, đĩa CD; phương tiện nghe nhìn như băng video, đĩa VCD, phim, ảnh v.v...

2.2.2. Rèn luyện kỹ năng nói

Việc rèn luyện kỹ năng **nghe - nói** cần phải tiến hành từng bước. Trước hết phải chuẩn bị các mẫu để thực hành nói. Người học có thể sẽ được giải thích để hiểu các mẫu câu, tiến hành thực hành các mẫu câu thông qua việc nêu ví dụ cho mẫu câu đó; sau đó tiến hành hỏi và trả lời theo mẫu câu. Khi các mẫu câu cần đưa ra để thực hành nói trong bài đã đủ, GV sẽ đưa ra chủ đề để tập nói.

Việc thực hành qua các hình thức sau:

Học nói qua hội thoại

Miêu tả bằng lời một chủ đề quen thuộc nào đó: như nói về lớp học, về ngôi nhà của mình, về gia đình, về người thân, về các món ăn v.v...

Kê lại một đoạn văn đã được đọc.

Tranh luận về một chủ đề văn hóa, xã hội nào đó.

Kể chuyện: các SV sẽ được đọc hoặc nghe về một câu chuyện, sau đó kể lại theo hình thức: SV A kể một đoạn, SV B kể tiếp, SV C kể tiếp...

Tập suy luận, chẳng hạn: GV kể một câu chuyện nhưng bỏ ngo phần kết thúc, các SV sẽ kể phần kết thúc theo cách hiểu của mình.

Để tiến hành thực hành **nói**, GV đưa ra chủ đề, hướng dẫn SV các mẫu câu cơ bản sẽ sử dụng trong bài thực hành – sau đó có thể thực hành theo các cặp hoặc theo nhóm. Việc thực hành nói trong phạm vi cả lớp thường được dùng khi các bài tập thực hành tranh luận nhưng thường không đạt kết quả cao nếu lớp học đông người.

Hầu hết các SV đều có cảm giác ngại khi nói, nhất là đối với SV Châu Á, hoặc các SV lớn tuổi. Để khắc phục tình trạng này, GV cần phải bố trí lớp học nói sao cho người học cảm thấy thoải mái nhất, bàn ghế được kê theo khối hình vuông hoặc hình tròn để các SV có thể nhìn thấy nhau khi nói chuyện, tạo không khí tự nhiên trong lớp học. GV là người hướng dẫn, động viên, khuyến khích, đồng thời nghe và điều chỉnh hoặc sửa lỗi khi cần thiết. GV không nên thường xuyên sửa lỗi vì điều đó có thể làm SV khó chịu hoặc có cảm giác sợ sai không dám nói, gây

nên một không khí trầm lắng trong lớp học. Một lớp học được coi là thành công khi người học cảm thấy thoải mái, vui vẻ, và việc tạo nên được tiếng cười trong lớp học nói là rất quan trọng.

2.2.3. Rèn luyện kỹ năng đọc

Trog lớp dạy ngoại ngữ, các GV thường sử dụng hai hình thức **đọc**: đọc to thành lời, đọc nhận thức.

Đọc to thành lời: GV yêu cầu SV đọc to mục đích là để nghe và hiệu chỉnh phát âm qua việc đọc. Điều này không thuộc vào việc phát triển kỹ năng đọc.

Đọc – nhận thức là vấn đề của kỹ năng đọc. Đọc nhận thức thường được sử dụng dưới hai hình thức:

+ **Đọc thầm**: SV được yêu cầu tự đọc với thời lượng đủ dài nhất định, ghi nhớ nội dung chủ yếu của bài học. Sau đó thực hiện các bài tập kiểu:

- . Nghe – trả lời trực tiếp
- . Nghe – lựa chọn.
- . Xác nhận thông tin.

+ **Đọc bằng mắt**: SV được yêu cầu đọc nhanh, với một thời lượng ngắn vừa đủ, SV vừa đọc vừa ghi nhớ những nội dung chính, sau đó làm các bài tập như trên.

Việc phát triển kỹ năng đọc luôn gắn với việc phát triển vốn từ cho SV. Vì vậy, GV phải chọn những bài đọc phù hợp với từng trình độ, số lượng từ mới vừa và đủ, có giải thích các từ khó, các cụm từ, các thành ngữ, và các cấu trúc khó của bài đọc...

2.2.4. Rèn luyện kỹ năng viết

Rèn luyện kỹ năng **viết** cũng cần phải tiến hành từng bước từ đơn giản đến phức tạp, các bước có thể như sau:

Luyện viết những câu rời theo mẫu câu hoặc cấu trúc ngữ pháp đã được học.

Viết những bài ngắn về các chủ đề quen thuộc, chú ý sử dụng giới từ và liên từ.

Viết những bài văn dài, sử dụng các từ liên kết văn bản làm cho bài viết có tính liên kết và logic. Khi viết những bài văn dài, GV nên chọn chủ đề, giới thiệu chủ đề, gợi ý các từ liên kết văn bản để người học sử dụng như các từ: *nhưng, mà, tuy nhiên, trái lại, chẳng hạn, mặc dù, vì thế, tất nhiên, nói cách khác* v.v... Đồng thời, tùy theo trình độ của SV mà GV ra yêu cầu về độ dài của mỗi bài viết.

Bên cạnh các bước phát triển kỹ năng viết như trên, chúng ta cần sử dụng một số bài tập bổ trợ như:

+ **Bài tập sử dụng từ**: ví dụ, chúng ta đưa ra các câu trong đó có một số từ còn trống, ở mỗi vị trí còn trống đó chúng ta đưa ra 3 hoặc 4 từ để SV lựa chọn để điền vào.

+ **Bài tập viết lại**: Bài tập này sẽ đưa ra một loại từ, SV phải sắp xếp lại để có một câu hoàn chỉnh.

+ **Bài tập logic**: Loại bài tập này sẽ đưa ra một số câu, trong đó có một vài từ thừa; người học phải tìm ra và loại bỏ những từ thừa đó.

+ **Bài tập liên kết văn bản**: với kiểu bài tập này, GV sẽ cung cấp cho SV một số đoạn văn rời rạc nhưng đều thể hiện một chủ đề. Người học sẽ sử dụng các từ liên kết văn bản đó sao cho văn bản có được tính liên kết và logic nhất.

3. Kết luận

Có thể nói các bài học truyền thống thường được xây dựng với độ dài khá lớn, thậm chí có bài dài phải đến 8-10 tiết dạy trên lớp; ngay cả hệ thống các bài hội thoại cũng khá dài, lượng từ mới lớn và các hiện tượng ngữ pháp đưa vào nhiều làm cho bài giảng nặng nề, khó triển khai các hoạt động trong lớp.

Với sự ra đời của phương pháp giao tiếp vào những năm 80 thì ngôn ngữ nói được chú trọng hơn ở các bậc cơ sở và bậc trung bình. Các bài học được coi là những đơn vị giao tiếp, các đoạn hội thoại ngắn, sinh động hơn và gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày hơn, tức là tính khẩu ngữ được thể hiện rõ hơn hơn và nhiều hơn. Mỗi bài thường được thiết kế dạy từ 3-5 tiết giảng trên lớp.

Để hoạch định một bài với lượng thời gian như vậy, thì một bài học được biên soạn cần phải đảm bảo được các yêu cầu sau: Xác định được thời gian; Xác định lượng ngữ liệu đưa vào: từ vựng, ngữ pháp, độ dài của bài; Các hình thức luyện tập; Các tài liệu và phương tiện phụ trợ.

Ở bậc cao hơn như bậc trên trung cấp và bậc cao cấp thì độ dài bài đọc tăng lên dần, phần hội thoại giảm đi để tăng cường kỹ năng đọc, viết. Tuy nhiên, tốc độ đi của một lớp học là do GV quyết định, chẳng hạn đối với một lớp học, SV có trình độ yếu thì GV phải đơn giản hóa bài học; nếu một lớp học có trình độ khá, khả năng tiếp thu nhanh thì có thể tăng tốc độ học và đưa thêm kiến thức và các hoạt động phụ trợ vào bài giảng. Nói một cách khác, GV phải tiên lượng được khả năng chung của lớp học, lượng ngữ liệu đưa vào cho lớp học, tốc độ giảng sao cho người học có thể tiếp thu ngữ liệu có hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Hữu Châu (1985), *Các yếu tố dụng học của tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ, Số 4.
- [2] Phan Ngọc (1985), *Sự tiếp xúc ngữ pháp trong tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ, Số 4.
- [3] Nhiều tác giả (1985), *Tuyển các bài viết về đề tài dịch*, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
- [4] Anthony C. Winker, Jo Ray Mc. Cuen (1988), *Rhetoric Made Plain*, Harcourt Brace Jovanovich, Publishers.